

6	Dây bao 10 x 100cm	Cái	300	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quy cách: Bao vải luồn dây, kích thước 10 × 100 cm, được may 2 lớp từ chất liệu vải, dùng để bọc và bảo vệ dây máy móc.</li> <li>- Chất liệu: Si</li> <li>- Màu sắc: Xanh két, không phai màu</li> <li>- Kích thước: 10 x 100cm</li> <li>- Logo: Có 1 mộc in ở góc.</li> <li>- Thông số kỹ thuật:</li> <li>1. Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5</li> <li>2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 445 ±5</li> <li>+ Ngang: 195 ±5</li> </ul> </li> <li>3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: 855 ±5</li> <li>+ Ngang: 305 ±5</li> </ul> </li> <li>4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: ≥ 35</li> <li>+ Ngang: ≥ 36</li> </ul> </li> <li>5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dọc: -1.3 ±4</li> <li>+ Ngang: 0.0 ±4</li> </ul> </li> <li>6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Polyester: 65 ±5</li> <li>+ Cotton: 35 ±5</li> </ul> </li> </ul>
---	--------------------	-----	-----	--

7	Drap 120 x 220cm	Cái	262	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 120 × 220 cm, được may 2 lớp và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu sắc: Xanh két, không phai màu, kháng nước kỹ</p> <p>- Kích thước: 120 x 220cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5</li> <li>2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5</li> <li>3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5</li> <li>4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: + Dọc: ≥ 35 + Ngang: ≥ 36</li> <li>5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4</li> <li>6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương: + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 35 ±5</li> <li>7. Tính kháng nước bề mặt vải (Cấp) theo ISO 4920:2012 hoặc tương đương: ≥4</li> </ol>
---	------------------	-----	-----	--

8	Drap 160 x 280cm	Cái	600	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 160 × 280 cm, được may 2 lớp, may cuốn 4 cạnh và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu trắng</p> <p>- Kích thước: 160 x 280cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <p>1. Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5</p> <p>2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương:  + Dọc: 440 ±5  + Ngang: 190 ±5</p> <p>3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương:  + Dọc: 855 ±5  + Ngang: 305 ±5</p> <p>4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương:  + Dọc: ≥ 32  + Ngang: ≥ 34</p> <p>5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương:  + Dọc: -1.3 ±4  + Ngang: 0.0 ±4</p> <p>6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương:  + Polyester: 65 ±5  + Cotton: 35 ±5</p>
---	------------------	-----	-----	--

9	Drap 160 x 280cm GM	Cái	30	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 160 × 280 cm, được may 2 lớp, may cuốn 4 cạnh và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu xanh két, không phai màu, kháng nước kỹ</p> <p>- Kích thước: 160 x 280cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5</li> <li>2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5</li> <li>3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5</li> <li>4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: + Dọc: ≥ 35 + Ngang: ≥ 36</li> <li>5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4</li> <li>6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương: + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 30 ±5</li> <li>7. Tính kháng nước bề mặt vải (Cấp) theo ISO 4920:2012 hoặc tương đương: ≥4</li> </ol>
---	---------------------	-----	----	---

10	Khăn 200 x 200cm	Cái	200	<p>- Quy cách: Khăn có kích thước 200 × 200 cm, được may 2 lớp và gia cố chằng chéo nhằm tăng độ bền và ổn định trong quá trình sử dụng.</p> <p>- Chất liệu: Si</p> <p>- Màu sắc: Xanh két, không phai màu, kháng nước kỹ.</p> <p>- Kích thước: 200 x 200cm</p> <p>- Logo: Có 1 mộc in ở góc</p> <p>- Thông số kỹ thuật:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khối lượng vải (g/m<sup>2</sup>) theo ISO 3801:1977 hoặc tương đương: 160 ±5</li> <li>2. Mật độ vải (sợi/10cm) theo ISO 7211-2:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 445 ±5 + Ngang: 195 ±5</li> <li>3. Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) theo ISO 7211-4:1984 hoặc tương đương: + Dọc: 855 ±5 + Ngang: 305 ±5</li> <li>4. Độ bền xé rách (N) theo ISO 13937-1:2000 hoặc tương đương: + Dọc: ≥35 + Ngang: ≥36</li> <li>5. Sự thay đổi kích thước sau 01 chu kỳ giặt (%) theo ISO 5077:2007/ ISO 6330:2021 hoặc tương đương: + Dọc: -1.3 ±4 + Ngang: 0.0 ±4</li> <li>6. Định tính và định lượng nguyên liệu (%) theo ISO 1833:2019 hoặc tương đương: + Polyester: 65 ±5 + Cotton: 35 ±5</li> <li>7. Tính kháng nước bề mặt vải (Cấp) theo ISO 4920:2012 hoặc tương đương: ≥4</li> </ol>
----	------------------	-----	-----	---

Y  
H  
A  
S  
CH  
★